TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:31/2021/HS-ST.
Ngày: 22.7.2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông P. L. L

- Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Đ. H. L.

2.Ông P. T. L

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà N. H. H. T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông P. X. D – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2021/TLST-HS, ngày 11 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **C. N. Y,** tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 01/01/1991, tại: huyện A, tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: C. V. A (Sinh năm 1967) và bà: V. T. C (Sinh năm 1972); Vợ: Đ. T. L. X (Sinh năm 1995); Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án, TAND huyện A, tỉnh B xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 34/2019/HS-ST ngày 04/10/2019. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/5/2020, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 02/04/2021 cho đến nay.*(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

* *Người bị hại*:

1. Bà N. T. P; Sinh năm: 1976.

Địa chỉ: thôn T, TT. M, huyện A, tỉnh B. (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

2. Bà N. T. T; Sinh năm: 1978.

Địa chỉ: thôn T, TT. M, huyện A, tỉnh B. (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

3. Ông H. V. T; Sinh năm: 1974.

Địa chỉ: thôn K, xã C. T, huyện A, tỉnh B.(*Có mặt tại phiên tòa*).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông T. M. P; Sinh năm 1980.

Địa chỉ: thôn D, TT. M, huyện A, tỉnh B.(*Có mặt tại phiên tòa*).

* *Người làm chứng*:

Ông H. V. T; Sinh năm: 1972.

Địa chỉ: thôn H.D, xã C.T, huyện A, tỉnh B.(*Vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

C. N. Y là đối tượng đã có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt tù về địa phương ở thôn P, xã C, huyện A, tỉnh B không có nghề nghiệp ổn định nên đã tiếp tục tìm nơi sơ hở để trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 29/3/2021 đến ngày 02/4/2021, C. N. Y đã thực hiện 03 vụ lấy trộm xe mô tô trên địa bàn huyện A. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 29/3/2021, C. N. Y điều khiển xe mô tô đi từ nhà đến thị trấn M với mục đích trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi qua cánh đồng ở khu phố T, thị trấn M, huyện A, C.N.Y phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Jiulong mang biển kiểm soát 55S5-1957 của chị N. T. P (Sinh năm 1976, ở khu phố T, thị trấn M, huyện A) đang dựng ở lề đường, không ai trông coi và chìa khóa vẫn còn cắm trên xe. C.N.Y dựng xe mô tô của mình trên lề đường và đi bộ đến vị trí xe mô tô của chị N.T.P, bật chìa khóa rồi điều khiển xe theo hướng thị trấn M. Khi đến đoạn Ngã 3 TT. M, C.N.Y bán xe cho một người mua bán nhôm nhựa đi đường (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) với giá 550.000^{đ}, sau đó quay lại lấy xe mô tô của mình rời đi. Số tiền bán được, C.N.Y sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Hội đồng định giá tài sản kết luận xe mô tô trên có trị giá 1.100.000^{đ}.

Vụ thứ hai: Khoảng 9 giờ sáng ngày 31/3/2021, C.N.Y điều khiển xe mô tô của mình đi tìm nơi trộm cắp tài sản. Khi đi đến cầu Đập Chùa thuộc thôn C.Đ, xã E, huyện A thấy phía dưới cầu có 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu (bị mất biển số 55F4-7200) của chị N. T. T (Sinh năm 1978 ở khu phố T, thị trấn M, huyện A) không người trông coi, chìa khóa còn gắn trên xe nên nảy sinh ý định lấy trộm. C.N.Y dựng xe mô tô của mình và đi bộ đến vị trí xe mô tô của chị N.T.T, bật chìa khóa và điều khiển xe về hướng thị trấn M. Khi đến tiệm sửa xe của anh T. M. P (Sinh năm 1980, ở khu phố D, thị trấn M, huyện A), C.N.Y bán lại xe mô tô trên cho anh T.M.P với giá 550.000đ. Lúc mua anh T.M.P có hỏi xe ở đâu thì C.N.Y nói dối là xe cũ của gia đình sử dụng lâu bị mất giấy tờ, hiện tại đang kẹt tiền nên đem bán, anh T.M.P đồng ý mua. Sau đó C.N.Y quay lại cầu Đập Chùa lấy xe mô tô của mình bỏ đi. Số tiền bán được, C.N.Y sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Hội đồng định giá tài sản kết luận xe mô tô trên có trị giá 3.500.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 9 giờ sáng 02/4/2021, C.N.Y đi bộ tìm nơi lấy trộm tài sản. Khi đến cánh đồng gần bờ tràn thôn K, xã C.T, huyện A thì thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu SURUMA, biển số 55Y4-7420 của ông H. V. Th (Sinh năm 1964, ở thôn K, xã C. T, huyện A) đang dựng trên lề đường không người trông coi, chìa khóa còn gắn trên xe nên C.N.Y lấy trộm xe mô tô trên và điều khiển đến tiệm sửa xe của anh H. V. T (Sinh năm 1972, ở thôn H. D, xã C.T, huyện A) gạ bán nhưng anh H.V.T không mua. Trong lúc tìm nơi khác để bán thì C.N.Y bị Cơ quan Công an huyện A phát hiện bắt giữ. Hội đồng định giá tài sản kết luận xe mô tô trên có trị giá 1.200.000đ.

Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 5.800.000đ.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra Công an huyện A tạm giữ và xử lý trả lại cho người bị hại 01 xe mô tô nhãn hiệu SURUMA, màu xanh, biển kiểm soát 55Y4-7420 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu (bị mất biển số 55F4-7200).

Về trách nhiệm dân sự: C. N. Y đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại N. T. P 1.100.000đ trị giá xe mô tô bị mất không thu hồi được, trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan T. M. P số tiền 550.000đ. Những người bị hại và người liên quan sau khi nhận lại tài sản và được bồi thường không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 27/CT-VKS, ngày10/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo C. N. Y về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo C. N. Y về tội: "*Trộm cắp tài*

sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS 2015, để xử phạt bị cáo C. N. Y với mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 02/4/2021.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo C. N. Y đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2].Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

C. N. Y là đối tượng đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nhưng vẫn không chịu khó làm ăn lương thiện để sửa chữa sai lầm cho bản thân mà với bản tính lười lao động, chỉ trong một thời gian ngắn C.N.Y đã tiếp tục tìm cách trộm cắp tài sản để tiêu xài cá nhân. Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của các chủ sở hữu, C.N.Y đã lén lút thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt được 01 xe mô tô nhãn hiệu Jiulong trị giá 1.100.000^{đ} của chị N. T. P vào khoảng 14 giờ ngày 29/3/2021 tại thị trấn M, chiếm đoạt được 01 xe mô tô nhãn

hiệu Dream trị giá 3.500.000đ của chị N. T. T vào ngày 31/3/2021 tại cầu Đập Chùa, xã E và 01 xe mô tô nhãn hiệu SURUMA trị giá 1.200.000đ của ông H. V. Th vào sáng ngày 02/4/2021 tại thôn K, xã C. T. Tổng giá trị tài sản 03 lần C.N.Y chiếm đoạt được là 5.800.000đ.

Hành vi của C. N. Y là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý nhiều lần chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương, bản thân C. N. Y đã từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" nên cần phải xử lý nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo C. N. Y về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo C. N. Y phạm tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần phải xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nữa nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo C. N. Y mới chấp hành xong bản án phạt tù chưa được xóa án tích nhưng đã tiếp tục nhiều lần tái phạm. Do đó phải áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của BLHS để xử lý bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo C. N. Y thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội, đồng thời bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS để cân nhắc xem xét khi quyết định hình phạt.

Đối với T. M. P có hành vi mua xe mô tô do C. N. Y lấy trộm. Tuy nhiên anh T.M.P không biết đây là tài sản do C.N.Y phạm tội mà có nên hành vi của T.M.P không cấu thành tội phạm.

[5].Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan sau khi nhận lại tài sản và được bồi thường không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[5.2]. Về xử lý vật chứng:Không.

[6].Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 buộc bị cáo C. N. Y phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.*Tuyên bố:* Bị cáo C. N. Y phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

2.*Áp dụng:* Khoản 1 Điều 173, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo C. N. Y **15 (*Mười lăm*)** tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 02/04/2021.

3.*Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:* Không.

4.*Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo C. N. Y phải chịu 200.000^{đ} (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.

5. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng người bị hại vắng mặt thời hạn là 15 ngày tính từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L